TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2021
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Quốc lộ 27, Buôn Đắk T, xã K, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Chị H, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Chị kết hôn với anh

Trần Văn T ngày 19/02/2009, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng bố mẹ đẻ anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, Đến tháng 7 năm 2018 thì chị và anh T đưa các con vào Đắk Lắk làm ăn. Quá trình làm ăn, sinh sống trong Đắk Lắk hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Anh T nhiều lần sỉ nhục, xúc phạm và sử dụng bạo lực với chị, chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được. Hiện chị đã ra ngoài Bắc làm ăn sinh sống từ cuối năm 2019. Chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Văn T. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là các cháu: Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015, hiện cả ba cháu đang ở cùng với anh T. Ly hôn chị nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu L, C, Q để không xáo trộn sinh hoạt học tập của các cháu. Cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai đề ngày 16 tháng 8 năm 2021, anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau một thời gian chị H tự ý bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ 3-4 lần mà không xin phép anh, sau đó anh và các con anh vào Đắk Lắk làm ăn được một thời gian thì chị H đã xin anh cho vào Đắk Lắk để làm ăn và nuôi con. Quá trình chung sống trong Đắk Lắk được hơn 01 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H hay đi sớm về khuya, bỏ bê con cái và gia đình, buôn bán nợ nần, quan hệ bất chính với những người đàn ông khác, anh đã tha thứ cho chị H nhiều lần nhưng chị H không thay đổi rồi chị H tự ý bỏ về Vĩnh Phúc để sinh sống, bố con anh vẫn ở Đắk Lắk. Anh và chị H sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng

không còn, anh nhất trí ly hôn chị H để giải thoát cho chị H. Anh không thắc mắc gì về thẩm quyền giải quyết vụ án và xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung: Cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; cháu Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015. Hiện cả ba cháu đang ở với anh T. Ly hôn anh T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu L, C, Q, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh T không đề nghị giải quyết.

Anh T làm nghề tự do: Thu nhập một tháng là 20.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi cả ba con ăn học. Thu nhập bình quân ở xã K là 15.000.000đ/1 tháng/1 người.

Ủy ban nhân dân xã K cũng đã xác nhận: Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh như thế nào thì UBND xã K không nắm được, UBND xã K cũng không nhận được bất kỳ đơn thư nào liên quan đến vi phạm pháp luật của vợ chồng anh T, chị H.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã K, chính quyền địa phương cung cấp: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/02/2009 và được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của chị H và anh T không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H thì Ủy ban nhân dân xã K không biết vì thực tế các khối đoàn thể hay Ủy ban nhân dân xã K đều không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị H. Hiện chị H không chung sống cùng gia đình anh T tại thôn P, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện tại anh T và các con vẫn có hộ khẩu tại xã K, huyện Vĩnh Tường. Chính quyền địa phương được biết, anh T cùng các con đang làm ăn, sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ cụ thể chính quyền địa phương không nắm được vì anh T không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương.

Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, Ủy ban nhân dân xã K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự.

Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là cháu: Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; cháu Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, Ủy ban nhân dân xã K đề nghị Tòa án giải quyết giao con theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho các cháu.

Về các mối quan hệ khác trong vụ án giữa chị H và anh T, Ủy ban nhân dân xã K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Ủy ban nhân dân xã K không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến chị H và anh T về hành vi vi phạm pháp luật.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 16 tháng 8 năm 2021: Cháu Trần Thị Thùy L và Trần Hà C trình bày: Các cháu là con của anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H. Hiện tại các cháu đang ở với anh T. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, nguyện vọng các cháu xin ở với bố là anh T. Các cháu không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm gì với các cháu.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H, anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị H và anh T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T; về con chung: Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; cháu Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc

con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị H và anh T không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn T, có hộ khẩu tại: Thôn P, xã K, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với nguyên đơn chị H tại phiên tòa vắng mặt, tuy nhiên chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt do chị đang ở vùng dịch Covid-19 không về được. Đối với anh Trần Văn T hiện tại đang ở: Quốc lộ 27, B, xã K, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk tuy nhiên anh T đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là Tòa án giải quyết, xét xử vụ án. Anh T vắng mặt nhưng đã có lời khai, có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/02/2009, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị H và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Anh T nhiều lần sỉ nhục, xúc phạm và sử dụng bạo lực với chị, chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa

chị H và anh T. Việc chị H xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh T cũng thừa nhận anh và chị H mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là các cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; cháu Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015. Hiện cả ba cháu L, C, Q đang ở với anh T. Ly hôn anh T đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu. Chị H nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu L, C và Q để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu. Hiện tại cháu L và cháu C đã trên 7 tuổi và có nguyên vọng ở với bố là anh T. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như không làm xáo trộn cuộc sống, học tập của các cháu, cần giao cháu L, C, Q cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung anh T, chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị H, anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Anh Trần Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 03/11/2009; cháu Trần Hà C, sinh ngày 10/10/2011; cháu Trần Mạnh Q, sinh ngày 13/11/2015. Hiện cả ba cháu L, C, Q đang ở với anh T. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005261 ngày 05/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh